Số: 448/KH-UBND
Thời gian ký: 2026-08-11T08:56:31+07:00

Phụ lục I
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ NĂM 2026 VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2027

(Kèm theo Kế hoạch số448 /KH-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh An Giang)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Kế hoạch năm 2027	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		
I	**Hợp tác xã**						
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	854	877	893	933	
	Trong đó:						
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	828	854	854	893	
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	30	25	45	50	
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	4	2	6	10	
	Số HTX ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản	HTX	30	46	46	55	
	Số HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	HTX	90	90	120	170	
	Số HTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	HTX					
	Số HTX có thành viên là doanh nghiệp	HTX					
	Số HTX có thành viên là người nước ngoài	HTX					
	Số xã đạt chuẩn tiêu chí 3.6 về xã có Hợp tác xã hoạt động hiệu quả (thuộc bộ tiêu chí Quốc gia về xã Nông thôn mới)	Xã					
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	182.652	164.442	183.252	183.902	
	Trong đó:						
	Số thành viên mới	Thành viên		250	600	650	
	Số thành viên ra khỏi hợp tác xã	Thành viên					
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người	17.380	18.013	18.013	18.148	
	Trong đó:						
	Số lao động thường xuyên mới	Người				135	
	Số lao động thường xuyên là thành viên HTX	Người	13.243	13.513	13.513	13.648	
4	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	5.797	5.860	5.860	5.930	
	Trong đó:						
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	4.345	4.336	4.336	4.399	
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	1.452	1.524	1.524	1.531	
5	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	4.010	4.020	4.020	4.100	
	Trong đó: Doanh thu của hợp tác xã với thành viên	Tr đồng/năm					
6	Lãi bình quân một hợp tác xã	Tr đồng/năm	1.010	1.100	1.100	1.150	
7	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Tr đồng/năm	-	65	65	70	
II	**Liên hiệp hợp tác xã**						
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX	5	6	6	6	
	Trong đó:						
	Số liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động	LH HTX	5	5	5	6	
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX	-	1	1	-	
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX	-	-			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Năm 2026		Kế hoạch năm 2027	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước thực hiện cả năm		
	Số LHHTX thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần	LH HTX	-	-			
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX	53	60	60	60	
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người	30	41	41	41	
4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm	-	6.500	6.500	6.500	
5	Lãi bình quân của một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm	-	1.300	1.300	1.300	
III	**Tổ hợp tác**						
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	3.709	3.804	3.804	3.899	
	Trong đó:						
	Sô THT có đăng ký hoạt động với chính quyên xã/phường/thị trấn	THT	3.709	3.804	3.804	3.899	
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	67.133	61.939	67.483	67.833	
	Trong đó:						
	Số thành viên mới thu hút	Thành viên	1.800	350	350	350	
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	296	320	320	325	
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm	55	57	57	58	